

Bản án số: 89/2023/DS-ST

Ngày: 21-7-2023

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G – B**

Với Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* bà Đặng Thị Ngọc Duyên.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trương Văn Te

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Lan

- **Thư ký phiên tòa:** ông Phạm Đình Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh B.

Ngày 21 tháng 7 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện G xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 164/2023/TLST - DS ngày 25 tháng 4 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 182/2023/QĐXXST - DS ngày 16 tháng 6 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số: 130/2023/QĐST - DS ngày 05 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* bà Nguyễn Thị Thùy L sinh năm 1969; địa chỉ: ấp T, xã T1, huyện G, tỉnh B (có mặt).

2. *Bị đơn:* bà Huỳnh Thị G sinh năm 1982; địa chỉ: ấp 2B (H), xã T1, huyện G, tỉnh B (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01/3/2023 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thùy L trình bày:

Vào khoảng năm 2017, bà cho bà Huỳnh Thị G vay tiền nhiều lần. Khi vay, hai bên thỏa thuận mức lãi suất từ 2 đến 3%/tháng và không kỳ hạn. Tuy nhiên do thời gian đã lâu nên bà không nhớ rõ số tiền của từng lần vay. Sau đó, bà G cũng có trả dần tiền vay cho bà.

Đến ngày 03/9/2021, hai bên thống nhất số tiền bà G còn nợ lại bà là 266.720.000 đồng. Khi thống nhất nợ, hai bên có lập thành tờ “*Biên nhận*”. Nội dung biên nhận: bà G cam kết hàng tháng sẽ trả dần số tiền là 10.000.000 đồng, nếu có sớm sẽ trả sớm và kết thúc vào năm 2022 âm lịch. Nhưng sau đó, bà G lại không thực hiện đúng và trì hoãn, trốn tránh việc trả nợ. Do bà G đã vi phạm nghĩa vụ trả

nợ làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của bà nên bà yêu cầu bà G có nghĩa vụ trả lại cho bà số tiền còn nợ là 266.720.000 đồng, bà không yêu cầu tính lãi.

Trong quá trình tố tụng, bị đơn bà Huỳnh Thị G vắng mặt không lý do và không có văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thùy L.

Tại phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Thùy L giữ nguyên trình bày, yêu cầu bà G có nghĩa vụ trả lại cho bà số tiền còn nợ là 266.720.000 đồng, bà không yêu cầu tính lãi.

Bà Huỳnh Thị G vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai các chứng cứ tại phiên tòa, qua kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng: tại phiên tòa, bị đơn bà Huỳnh Thị G mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng tại phiên tòa vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, việc đưa vụ án ra xét xử là phù hợp với quy định tại các điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thùy L về việc yêu cầu bà Huỳnh Thị G có nghĩa vụ trả số tiền vay là 266.720.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy.

[1] Mặc dù các hợp đồng vay tiền giữa bà L và bà G vào năm 2017 không lập thành văn bản nhưng có căn cứ xác định hai bên có tiến hành giao kết, đã thực hiện các hợp đồng vay và bà G đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với bà L. Tính đến ngày 03 tháng 9 năm 2021 âm lịch, bà G còn nợ lại bà L số tiền là 266.720.000 đồng. Chứng cứ chứng minh là tờ “*Biên nhận*” ký tên Huỳnh Thị G được lập ngày 03 tháng 9 năm 2021 âm lịch. Nội dung tờ “*Biên nhận*” thể hiện: “*Tôi tên Huỳnh Thị G Hiện ở ấp 2B (Hưng An B), xã Thạnh Phú Đông, Huyện G, Tỉnh B. Nay tôi làm giấy này thỏa thuận chị L số tiền còn thiếu chị L là 266.720.000 đồng ... đó là số tiền còn lại phải trả cho chị hàng tháng 10.000.000 (mười triệu đồng) nếu có sớm thì sẽ trả sớm hơn và kết thúc vào năm 2022 AL ...*”. Quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa, mặc dù đã được triệu tập nhiều lần nhưng bà G vẫn cố tình vắng mặt, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà L, không phủ nhận biên nhận nợ lập ngày 03 tháng 9 năm 2021 và không cung cấp chứng cứ chứng minh việc đã thanh toán tất nợ. Do đó, xét yêu cầu khởi kiện của bà L yêu cầu bà G trả số tiền còn nợ 266.720.000 đồng là có cơ sở, phù hợp với quy định pháp luật tại các điều 463, 469 Bộ luật dân sự năm 2015 được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về lãi: trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bà L không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5% (266.720.000 đồng x 5%): do yêu cầu khởi kiện của bà L được chấp nhận nên bà G phải nộp số tiền là 13.336.000

đồng theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Vi các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 463, 469 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thùy L.

Buộc bà Huỳnh Thị G có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Thùy L số tiền là 266.720.000đ (hai trăm sáu mươi sáu triệu bảy trăm hai mươi nghìn đồng).

Ghi nhận bà L không yêu cầu tính lãi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5%:

Bà Huỳnh Thị G phải nộp số tiền là 13.336.000đ (mười ba triệu ba trăm ba mươi sáu nghìn đồng).

Trả lại cho bà Nguyễn Thị Thùy L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.668.000đ (sáu triệu sáu trăm sáu mươi tám nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0003413 ngày 21 tháng 4 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện G.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B;
- VKSND huyện G;
- THADS huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Ngọc Duyên

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đặng Thị Ngọc Duyên